

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SKHCN-TĐC

Tuyên Quang, ngày tháng 7 năm 2026

V/v Hướng dẫn thực hiện công bố tiêu chuẩn cơ sở, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và thông báo trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh;
- Liên minh Hợp Tác xã;
- Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

Để đảm bảo cho công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đạt hiệu quả cao và nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các sản phẩm của địa phương thực hiện công bố tiêu chuẩn cơ sở, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy cho sản phẩm, hàng hoá của mình.

Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị các sở, ngành; UBND các xã, phường, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, liên minh Hợp tác xã thực hiện tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn đến các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn, lĩnh vực quản lý thực hiện công bố tiêu chuẩn cơ sở, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy trên cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng theo quy định.

(Có Hướng dẫn chi tiết kèm theo)

Trong quá trình triển khai thực hiện, có gì vướng mắc xin liên hệ về Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn. (Địa chỉ liên hệ: Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; điện thoại: 0915092549, Đ/c Trần Công Hà).

Trên đây là nội dung hướng dẫn thực hiện công bố tiêu chuẩn cơ sở, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng của Sở Khoa học và Công nghệ kính gửi các đơn vị quan tâm, phối hợp thực hiện../.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (B/c);
- BGĐ Sở;
- <https://sokhen.tuyenquang.gov.vn/>;
- Lưu: VT, TĐC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Trung Hiếu

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ, CÔNG BỐ HỢP CHUẨN, CÔNG BỐ HỢP QUY VÀ THÔNG BÁO TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG

(Kèm theo Công văn số: /SKHCN-TĐC, ngày tháng 7 năm 2026
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang)

I. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG VÀ CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Thực hiện theo Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn.

1. Phương thức xây dựng TCCS

1.1. Chấp nhận TCVN, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn nước ngoài tương ứng thành TCCS.

1.2. Tự nghiên cứu, xây dựng TCCS trên cơ sở các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ; các kết quả thử nghiệm, đánh giá, phân tích và thực nghiệm; kinh nghiệm thực tiễn.

2. Trình tự, thủ tục xây dựng và công bố TCCS

2.1. Xây dựng TCCS tùy theo quy mô, chức năng quản lý, loại hình sản xuất kinh doanh của tổ chức công bố TCCS (cơ sở). Trình tự, thủ tục xây dựng và công bố TCCS được quy định như sau:

a) Cơ sở tổ chức nghiên cứu, biên soạn dự thảo TCCS, trường hợp cần thiết, mời đại diện của cơ quan, tổ chức, cá nhân, Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia có liên quan tham gia biên soạn;

b) Cơ sở tổ chức lấy ý kiến cho dự thảo TCCS trong trường hợp cần thiết hoặc theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN thông qua hình thức gửi văn bản lấy ý kiến đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo lấy ý kiến.

Hồ sơ gửi lấy ý kiến bao gồm dự thảo TCCS kèm theo thuyết minh. Thuyết minh dự thảo TCCS được xây dựng dựa trên mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN;

c) Cơ sở tổ chức xử lý ý kiến và hoàn thiện dự thảo TCCS; lập hồ sơ dự thảo TCCS bao gồm: dự thảo TCCS kèm theo thuyết minh; bản tổng hợp, xử lý ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại điểm b khoản này.

d) Cơ sở tổ chức thẩm tra dự thảo TCCS nhằm bảo đảm dự thảo TCCS tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 6 và Điều 10a của Luật.

đ) Trường hợp TCCS sử dụng để chứng nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật thực hiện theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN .

2.2. Công bố TCCS:

- a) Người đứng đầu cơ sở xem xét và quyết định bằng văn bản công bố TCCS;
- b) Hồ sơ công bố TCCS được lưu trữ tại cơ sở.

2.3. Thông báo việc công bố tiêu chuẩn cơ sở

Cơ sở có trách nhiệm thông báo việc công bố tiêu chuẩn cơ sở qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố TCCS; nội dung thông báo theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và khoản 2 Điều 20 của Luật.

2.4. Căn cứ hướng dẫn chung này, các cơ sở tổ chức xây dựng quy trình, hướng dẫn cụ thể về xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung và công bố TCCS phù hợp với điều kiện, quy mô của cơ sở.

3. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ TCCS

3.1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ TCCS thực hiện trên cơ sở rà soát TCCS hoặc đề nghị của tổ chức, cá nhân.

3.2. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, thay thế TCCS thực hiện theo quy định tại Điều 22, Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN.

3.3. Trình tự, thủ tục bãi bỏ TCCS như sau:

a) Cơ sở lấy ý kiến về việc bãi bỏ TCCS theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN, xử lý ý kiến và lập hồ sơ đề nghị bãi bỏ TCCS;

Hồ sơ đề nghị bãi bỏ TCCS bao gồm: TCCS kèm theo thuyết minh; bản tổng hợp, xử lý ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân (nếu có);

b) Người đứng đầu cơ sở xem xét và quyết định bằng văn bản bãi bỏ TCCS.

4. Ký hiệu, trình bày và thể hiện nội dung TCCS

4.1. Ký hiệu TCCS được quy định như sau:

a) Ký hiệu tiêu chuẩn cơ sở bao gồm số hiệu, năm công bố tiêu chuẩn cơ sở đứng sau cụm từ viết tắt TCCS và được phân cách bằng dấu hai chấm (:);

b) Chữ viết tắt tên cơ sở công bố (ban hành) tiêu chuẩn cơ sở được đặt sau năm ban hành tiêu chuẩn cơ sở và được phân cách bằng dấu gạch chéo.

Ví dụ: TCCS 26:2026/XXX là ký hiệu của tiêu chuẩn cơ sở có số hiệu là 26, do công ty có tên giao dịch viết tắt là XXX xây dựng và công bố năm 2026.

4.2. Nội dung TCCS bảo đảm các phần chính sau: Mục lục; Phần thông tin mở đầu; Phần cơ bản (phần khái quát, phần kỹ thuật); Phần thông tin bổ sung.

Khuôn khổ, mẫu trình bày và thể hiện nội dung TCCS tham khảo TCVN 1-2:2025.

4.3. TCCS phải quy định rõ phạm vi áp dụng của TCCS.

4.4. Trình bày TCCS ngắn gọn, rõ ràng, chính xác, đơn nghĩa, không sai lỗi; không quy định chung chung, gây nhầm lẫn và hiểu thành nhiều nghĩa.

Đối với tiêu chuẩn có quy định yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử thì nội dung quy định phải cụ thể, đánh giá được bằng phương tiện hiện có của cơ sở, phòng thử nghiệm trong nước hoặc nước ngoài.

4.5. TCCS có thể đóng rời từng tiêu chuẩn hoặc thành từng tập tiêu chuẩn theo chủ đề hoặc đối tượng tiêu chuẩn.

Các trang của TCCS được đánh số và có thể được in dưới dạng tờ rời để thuận tiện cho việc bổ sung, hủy bỏ hoặc thay thế nội dung. TCCS phải có tờ bìa.

5. Tiêu chuẩn cơ sở của hội, hiệp hội theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật

Trình tự, thủ tục xây dựng và công bố TCCS của hội, hiệp hội sử dụng để chứng nhận áp dụng theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN và đáp ứng các yêu cầu sau:

5.1. Hội, hiệp hội thành lập tổ biên soạn TCCS với sự tham gia của đại diện từ các thành viên hội, hiệp hội, cơ quan, tổ chức, chuyên gia liên quan, bảo đảm công khai, minh bạch, không phân biệt đối xử, không tạo rào cản bất hợp lý; thành viên tham gia biên soạn, thẩm tra phải bảo đảm độc lập, khách quan và không đồng thời là người tham gia thực hiện hoạt động chứng nhận đối với TCCS đó.

Thành phần tổ biên soạn TCCS bao gồm: Tổ trưởng, thư ký và thành viên.

5.2. Tổ trưởng tổ biên soạn và thư ký tổ biên soạn được khuyến khích tham gia khóa đào tạo nghiệp vụ về xây dựng tiêu chuẩn do Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia tổ chức.

5.3. Hội, hiệp hội gửi hồ sơ dự thảo TCCS lấy ý kiến của bộ quản lý ngành, lĩnh vực liên quan và Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia sau khi tổ chức thẩm tra dự thảo TCCS như sau:

a) Hồ sơ lấy ý kiến bao gồm: dự thảo TCCS kèm theo thuyết minh trong đó nêu tối thiểu phạm vi áp dụng, các yêu cầu cốt lõi và phương pháp đánh giá đã được hội, hiệp hội sau khi thẩm tra; bản tổng hợp, xử lý ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có); kết luận thẩm tra hồ sơ dự thảo TCCS;

b) Bộ quản lý ngành, lĩnh vực liên quan và Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia căn cứ TCVN ISO/IEC 17007:2011 để có ý kiến đối với hồ sơ dự thảo TCCS.

6. Biểu mẫu Hồ sơ công bố tiêu chuẩn cơ sở, gồm:

- Bản công bố tiêu chuẩn cơ sở: Theo hướng dẫn tại Phụ lục 1.1;

- Tiêu chuẩn cơ sở: Theo hướng dẫn tại Phụ lục 1.2;
- Quyết định bằng văn bản về việc công bố TCCS: Theo hướng dẫn tại Phụ lục 1.3);

- Thuyết minh dự thảo TCCS: Theo hướng dẫn tại Phụ lục 1.4;

II. HƯỚNG DẪN CÔNG BỐ HỢP CHUẨN

Thực hiện theo Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

1. Nguyên tắc công bố hợp chuẩn

1.1. Đối tượng của công bố hợp chuẩn là sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội được quy định trong tiêu chuẩn tương ứng.

Công bố hợp chuẩn là hoạt động tự nguyện.

1.2. Việc công bố phù hợp tiêu chuẩn tương ứng dựa trên:

a) Kết quả chứng nhận hợp chuẩn do tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc được công nhận thực hiện hoặc;

b) Kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn.

Việc thử nghiệm phục vụ đánh giá hợp chuẩn phải được thực hiện tại tổ chức thử nghiệm đã đăng ký hoặc được công nhận.

2. Đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn

2.1. Đánh giá sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội với tiêu chuẩn tương ứng là đánh giá hợp chuẩn.

a) Việc đánh giá hợp chuẩn do tổ chức chứng nhận đã đăng ký, được công nhận hoặc do tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn thực hiện.

b) Việc chứng nhận hợp chuẩn được thực hiện theo phương thức chứng nhận sự phù hợp quy định tại Điều 5 của Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN;

2.2. Kết quả đánh giá hợp chuẩn quy định tại điểm a khoản 2.1 Điều này là căn cứ để tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn.

3. Trình tự công bố hợp chuẩn

Việc công bố hợp chuẩn được thực hiện theo các bước sau:

3.1. Bước 1: Tổ chức, cá nhân điền thông tin vào bản thông báo công bố hợp chuẩn theo mẫu tại Phụ lục III kèm Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN.

Tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn, liệt kê các tiêu chuẩn áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội của mình trong bản thông báo công bố hợp chuẩn.

Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội phải ký xác nhận vào bản thông báo công bố hợp chuẩn.

3.2. Bước 2: Tổ chức, cá nhân thực hiện thông báo công bố hợp chuẩn qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; nhận mã số xác nhận đã hoàn thành thông báo công bố hợp chuẩn trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Trường hợp Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng bị lỗi hoặc chưa hoàn thiện hạ tầng, tổ chức, cá nhân thông báo công bố hợp chuẩn theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Sở Khoa học và Công nghệ. Sở KH&CN có trách nhiệm cập nhật thông báo công bố hợp chuẩn lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn

4.1. Lựa chọn phương thức đánh giá sự phù hợp, phù hợp với đối tượng của công bố hợp chuẩn để đảm bảo độ tin cậy của kết quả đánh giá.

4.2. Duy trì liên tục và chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội đã thông báo bản công bố hợp chuẩn; duy trì việc kiểm soát chất lượng, thử nghiệm và giám sát định kỳ tại cơ sở sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân.

4.3. Khi phát hiện sự không phù hợp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội đã công bố hợp chuẩn trong quá trình lưu thông hoặc sử dụng thì tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

4.4. Lập và lưu giữ hồ sơ công bố hợp chuẩn như sau:

a) Trường hợp công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lập và lưu giữ hồ sơ công bố hợp chuẩn bao gồm: bản chính giấy chứng nhận hợp chuẩn; hồ sơ chứng nhận của tổ chức chứng nhận hợp chuẩn thực hiện; bản thông báo công bố hợp chuẩn và thông tin xác nhận đã thông báo công bố hợp chuẩn trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

b) Trường hợp công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lập và lưu giữ hồ sơ công bố hợp chuẩn bao gồm: bản chính hồ sơ tự đánh giá của tổ chức, cá nhân; bản

thông báo công bố hợp chuẩn và thông tin xác nhận đã thông báo công bố hợp chuẩn trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

c) Hồ sơ tự đánh giá của tổ chức, cá nhân có các nội dung sau:

- Mô tả chung về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội (chức năng, công dụng, cấu tạo, thông số kỹ thuật cơ bản; tài liệu thiết kế, sơ đồ, ảnh chụp, nhãn, bao gói); Quy trình, quá trình sản xuất, bao gồm thông tin về nguyên liệu, công nghệ, hệ thống quản lý chất lượng (nếu áp dụng);

- Thông tin về phương pháp thử, kết quả thử nghiệm; kết quả so sánh với yêu cầu của tiêu chuẩn tương ứng;

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có yêu cầu trong tiêu chuẩn tương ứng);

- Báo cáo tự đánh giá của tổ chức, cá nhân được ký xác nhận bởi người có thẩm quyền hoặc được uỷ quyền.

4.5. Cung cấp tài liệu chứng minh việc đảm bảo sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội với tiêu chuẩn tương ứng khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4.6. Thực hiện việc công bố lại khi có bất kỳ sự thay đổi nào về nội dung của tiêu chuẩn công bố, thay đổi nội dung bản công bố hợp chuẩn đã thông báo hoặc có bất kỳ sự thay đổi nào về tính năng, công dụng, đặc điểm của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã công bố hợp chuẩn.

III. HƯỚNG DẪN CÔNG BỐ HỢP QUY

Thực hiện theo Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

1. Nguyên tắc công bố hợp quy

1.1. Đối tượng của công bố hợp quy là sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành hoặc được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành.

Công bố hợp quy là hoạt động bắt buộc.

1.2. Căn cứ mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội, việc công bố phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng dựa trên:

a) Kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định theo quy định của pháp luật;

b) Kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận được công nhận theo quy định của pháp luật;

c) Kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân trên cơ sở kết quả thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định theo quy định của pháp luật;

d) Kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức quốc tế, khu vực, nước ngoài được thừa nhận theo quy định.

1.3. Sản phẩm, hàng hoá được miễn công bố hợp quy theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật thì tuân thủ yêu cầu về quản lý chất lượng, an toàn theo quy định pháp luật chuyên ngành.

2. Đánh giá sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật

2.1. Đánh giá sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng là đánh giá hợp quy.

a) Việc đánh giá hợp quy do tổ chức chứng nhận thực hiện hoặc do tổ chức, cá nhân thực hiện căn cứ mức độ rủi ro và nguyên tắc quản lý chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

b) Trong trường hợp chứng nhận bởi tổ chức chứng nhận, hoạt động chứng nhận được thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Phụ lục II của Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN;

2.2. Kết quả đánh giá hợp quy quy định tại điểm a khoản 2.1 Điều này là căn cứ để tổ chức, cá nhân công bố hợp quy.

3. Trình tự công bố hợp quy

Việc công bố hợp quy được thực hiện theo các bước sau:

3.1. Bước 1: Tổ chức, cá nhân điền thông tin vào bản đăng ký công bố hợp quy theo mẫu tại Phụ lục IV kèm Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN.

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xác định, liệt kê đầy đủ các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng bắt buộc phải áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội của mình trong bản đăng ký công bố hợp quy.

Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội phải ký xác nhận vào bản đăng ký công bố hợp quy.

3.2. Bước 2: Tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký công bố hợp quy qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; nhận mã số xác nhận đã hoàn thành đăng ký công bố hợp quy trên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

Tài liệu kèm theo gồm:

- Bản điện tử của Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận hợp quy cấp cho tổ chức, cá nhân trong trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận hợp quy.

- Báo cáo tự đánh giá hợp quy (theo mẫu tại Phụ lục V Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN) kèm theo bản điện tử kết quả thử nghiệm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật của tổ chức thử nghiệm được chỉ định hoặc công nhận theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật tương ứng trong trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân.

Trường hợp Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng bị lỗi hoặc chưa hoàn thiện hạ tầng, tổ chức, cá nhân đăng ký công bố hợp quy theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại cơ quan chuyên môn tại địa phương. Cơ quan chuyên môn tại địa phương có trách nhiệm cập nhật đăng ký công bố hợp quy lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy

4.1. Thông báo trên các phương tiện thông tin thích hợp về việc công bố hợp quy của mình đảm bảo người sử dụng sản phẩm, hàng hóa đó dễ dàng tiếp cận.

4.2. Duy trì liên tục và chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội đã công bố hợp quy; duy trì việc kiểm soát chất lượng, thử nghiệm và giám sát định kỳ.

4.3. Sử dụng dấu hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa đã được công bố hợp quy theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường. Lập sổ theo dõi và định kỳ hàng năm báo cáo việc sử dụng dấu hợp quy cho tổ chức chứng nhận.

4.4. Khi phát hiện sự không phù hợp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội đã công bố hợp quy trong quá trình lưu thông hoặc sử dụng thì tổ chức, cá nhân công bố hợp quy thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

4.5. Lập và lưu giữ hồ sơ công bố hợp quy làm cơ sở cho việc kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước như sau:

a) Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lập và lưu giữ hồ sơ công bố hợp quy bao gồm: bản chính giấy chứng nhận hợp quy; hồ sơ chứng nhận của tổ chức chứng nhận hợp quy thực hiện; bản đăng ký công bố hợp quy và thông tin xác nhận đã đăng ký công bố hợp quy trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

b) Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lập và lưu giữ hồ sơ công bố hợp quy bao gồm: bản chính hồ sơ tự đánh giá giám sát của tổ chức, cá nhân; bản đăng ký công bố hợp quy và thông tin xác nhận đã đăng ký công bố hợp quy trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

c) Hồ sơ tự đánh giá của tổ chức, cá nhân có các nội dung sau:

- Mô tả chung về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội (chức năng, công dụng, cấu tạo, thông số kỹ thuật cơ bản; tài liệu thiết kế, sơ đồ, ảnh chụp, nhãn, bao gói...); quy trình, quá trình sản xuất, bao gồm thông tin về nguyên liệu, công nghệ, hệ thống quản lý chất lượng (nếu áp dụng).

- Báo cáo nội dung về phương pháp, kết quả thử nghiệm; so sánh với yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, kèm theo bản sao kết quả thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định, thừa nhận theo quy định của pháp luật.

- Kế hoạch kiểm soát chất lượng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, giám sát định kỳ: tần suất, phương pháp kiểm tra, thử nghiệm, biện pháp duy trì phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có yêu cầu trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng).

- Báo cáo tự đánh giá của tổ chức, cá nhân được ký xác nhận.

4.6. Cung cấp tài liệu chứng minh việc đảm bảo sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4.7. Thực hiện việc công bố lại khi có bất kỳ sự thay đổi nào về nội dung của quy chuẩn kỹ thuật, thay đổi nội dung bản công bố hợp quy đã đăng ký hoặc có bất kỳ sự thay đổi nào về tính năng, công dụng, đặc điểm của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã công bố hợp quy.

IV. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN THÔNG BÁO TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG

Theo quy định tại Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN, có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày 09/4/2026, các tổ chức công bố TCCS có trách nhiệm thông báo việc công bố TCCS qua Cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố TCCS; nội dung thông báo theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và khoản 2 Điều 20 của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Các TCCS đã được công bố trước ngày Thông tư này có hiệu lực thực hiện thông báo việc công bố TCCS qua CSDLQG về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trước ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Theo quy định tại Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN, từ ngày 25/5/2026, việc thông báo công bố hợp chuẩn và đăng ký công bố hợp quy phải được thực hiện trên Cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Tổ chức, cá nhân đã thực hiện đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy trước ngày Thông tư này có hiệu lực, tiếp tục được sử dụng giấy chứng nhận hợp chuẩn, giấy chứng nhận hợp quy, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy đến hết thời hạn hiệu lực và không phải thực hiện thông báo lại bản thông báo công bố hợp chuẩn, đăng ký lại bản công bố hợp quy.

Để tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn và đánh giá sự phù hợp, đồng thời bảo đảm tuân thủ đúng quy định pháp luật, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang hướng dẫn cách thức thực hiện nộp hồ sơ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng như sau:

Bước 1: Truy cập hệ thống:

Truy cập địa chỉ <https://nqi.gov.vn/> để đăng ký tài khoản (nếu chưa có) và đăng nhập vào hệ thống.

Bước 2: Đăng ký tài khoản (Mỗi doanh nghiệp chỉ đăng ký 01 tài khoản duy nhất):

- Chọn “Đăng ký” và điền đầy đủ thông tin: Tên doanh nghiệp/tổ chức; mã số thuế; địa chỉ, số điện thoại, email, CCCD, người đại diện.
- Nhận email xác thực tài khoản qua email đã đăng ký trước đó.

Bước 3: Khai hồ sơ công bố:

- Đăng nhập hệ thống bằng tài khoản được cấp;
- Chọn mục “Công bố” sau đó chọn “Công bố hợp chuẩn”, “Công bố hợp quy” hoặc “Tiêu chuẩn cơ sở”;
- Chọn mục “Nộp hồ sơ”;

Bước 4: Gửi đăng tải và theo dõi:

- Kiểm tra lại thông tin;
- Chọn “Nộp hồ sơ”;
- Nhận văn bản thông báo ghi nhận việc thực hiện công bố trên hệ thống công CSDL qua email hoặc có thể tra trực tiếp trên cổng <https://nqi.gov.vn/>

** Yêu cầu:*

- Thông tin kê khai phải chính xác, thống nhất với tài liệu đính kèm.
- Thường xuyên kiểm tra email/tài khoản để cập nhật yêu cầu từ cơ quan quản lý. Trường hợp hồ sơ bị trả lại, cần chỉnh sửa và nộp lại theo hướng dẫn.

** Lưu ý:*

- Hồ sơ công bố hợp chuẩn, hợp quy đã tiếp nhận hợp lệ trước ngày 25/5/2026 tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn ghi trên bản công bố.
- Không bắt buộc chuyển hồ sơ cũ lên CSDLQG, trừ khi có thay đổi về:
 - + Tiêu chuẩn/quy chuẩn áp dụng;
 - + Đặc tính kỹ thuật sản phẩm;
 - + Phương thức đánh giá sự phù hợp.
- Trường hợp hệ thống CSDLQG gặp sự cố kỹ thuật:
 - + Hồ sơ công bố hợp chuẩn nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Khoa học và Công nghệ; Sở có trách nhiệm cập nhật thông báo công bố hợp chuẩn lên CSDLQG;
 - + Hồ sơ đăng ký hợp quy nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến sở, ban, ngành quản lý sản phẩm, hàng hóa tương ứng; cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm cập nhật đăng ký công bố hợp quy lên CSDLQG./.

MẪU BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Số: / 2026 / CBTC

Tên cơ sở sản xuất:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

CÔNG BỐ:

Tiêu chuẩn: (Số hiệu, ký hiệu, tên gọi).....

.....

Áp dụng cho sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường (tên gọi, kiểu loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật):.....

.....

Cơ sở cam kết đảm bảo sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với tiêu chuẩn công bố nêu trên.

..... ngày tháng..... năm.....20.

Đại diện cơ sở sản xuất

(họ tên, chức vụ)

MẪU TRÌNH BÀY TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
(Hướng dẫn, thể hiện các nội dung chủ yếu của tiêu chuẩn cơ sở)

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
Lời nói đầu	2
1. Đối tượng và phạm vi áp dụng.....	3
2. Tài liệu viện dẫn.....	3
3. Thuật ngữ, định nghĩa và từ viết tắt (nếu có)	3
4. Yêu cầu kỹ thuật.....	3
5. Phương pháp xác định các chỉ tiêu.....	4
6.	5
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	6

LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 01:2026/XXX. Trà Shan tuyết A – Yêu cầu kỹ thuật do Giám đốc Công ty phê duyệt ban hành theo Quyết định số/2026/QĐ-XXX, ngày tháng năm 2026.

Trong quá trình áp dụng, Tiêu chuẩn này có thể được sửa đổi, bổ sung, thu hồi, huỷ bỏ cho phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật.

Việc sửa đổi, bổ sung, thu hồi, huỷ bỏ phải tuân thủ quy định về kiểm soát tài liệu của Công ty AAA

Tên tổ chức, cá nhân	TIÊU CHUẨN CƠ SỞ (Tên hàng hoá) (Nội dung của tiêu chuẩn)	Ký hiệu, số hiệu tiêu chuẩn: TCCS 01:2026/XXX Có hiệu lực từ: / /2026
----------------------	--	--

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

- Đối tượng áp dụng: Tên hàng hoá (VD : Trà shan tuyết A)
- Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với sản phẩm Trà shan tuyết A do Công ty A và các cơ sở thành viên của Công ty sản xuất tại (địa chỉ nơi sản xuất).

2. Tài liệu viện dẫn

3. Yêu cầu kỹ thuật

Quy định các chỉ tiêu đặc trưng có tính chất quyết định đối với hàng hoá: yêu cầu về nguyên vật liệu; yêu cầu đối với hàng hoá: tính chất cơ lý, hoá học, các yêu cầu về an toàn, các yêu cầu về kết cấu sản phẩm và các phần cấu thành, các chỉ tiêu cảm quan (trạng thái, màu sắc, mùi vị ...), các yêu cầu vệ sinh, ...

4. Phương pháp lấy mẫu, kiểm tra

Bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- + Lấy mẫu: Vị trí, phương tiện, số lượng mẫu lấy, chuẩn bị mẫu, ghi nhãn mẫu và lưu mẫu.
- + Phương pháp lấy mẫu.
- + Phương pháp thử (có thể nêu cụ thể phương pháp thử nếu có hoặc nêu TCVN về phương pháp thử mà doanh nghiệp chấp thuận).

5. Ghi nhãn, bao gói, bảo quản, vận chuyển

5.1. Ghi nhãn

- Cần quy định nơi ghi nhãn (ghi trực tiếp lên sản phẩm hoặc bao bì), cách ghi nhãn.
- Nội dung nhãn hàng hóa: theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

5.2. Bao gói

- + Các yêu cầu chủ yếu cho việc chuẩn bị trước khi bao gói.
- + Vật liệu bao gói.
- + Điều kiện bao gói và kỹ thuật (phương pháp) gói.

5.3. Bảo quản

- Nơi bảo quản.
- Điều kiện bảo quản.
- Cách xếp trong kho.
- Thời gian bảo quản.

5. 4. Vận chuyển

Quy định các điều kiện vận chuyển, trong đó chủ yếu là các yêu cầu đối với phương tiện vận chuyển, phương tiện định vị, bốc dỡ, xếp đặt.

MẪU QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

CÔNG TY A

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Tiêu chuẩn cơ sở
áp dụng cho sản phẩm

GIÁM ĐỐC CÔNG TY A

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Căn cứ Thông tư số 13/2026/TT-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh và đảm bảo chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chuẩn cơ sở: TCCS 01:2026/XXX

Trà Shan tuyết A- Yêu cầu kỹ thuật

Điều 2 . Công ty A cam kết sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa theo đúng tiêu chuẩn chất lượng công bố (*có tiêu chuẩn chi tiết kèm theo*).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các cá nhân, bộ phận kỹ thuật của Công ty; các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu Cty.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn A

MẪU THUYẾT MINH DỰ THẢO TIÊU CHUẨN CƠ SỞ**1. Thông tin chung về dự thảo TCCS**

- a) Tên dự thảo TCCS.
- b) Thuộc lĩnh vực.
- c) Phạm vi áp dụng của TCCS.
- d) Mục tiêu của TCCS.
- đ) Cơ quan chủ trì soạn thảo.
- e) Tổ chức tham gia soạn thảo (nếu có).
- g) Phiên bản dự thảo.

2. Nội dung dự thảo TCCS

- a) Đối với TCCS xây dựng mới

DỰ THẢO TCCS	THUYẾT MINH
Quy định 1 ...	Thuyết minh nội dung chính của dự thảo, cơ sở khoa học và thực tiễn và các nội dung khác liên quan (nếu có)
Quy định 2 ...	

- b) Đối với TCCS sửa đổi, bổ sung, thay thế

TCCS ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ	DỰ THẢO TCCS	THUYẾT MINH
Quy định 1 ...		Thuyết minh nội dung chính của dự thảo, cơ sở khoa học và thực tiễn và các nội dung khác liên quan (nếu có)
Quy định 2 ...		

3. Quá trình xây dựng dự thảo TCCS (đánh giá thực trạng; thu thập, nghiên cứu tài liệu; lấy mẫu phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, vận hành, áp dụng thử (nếu có); biên soạn; tham vấn; lấy ý kiến góp ý, xử lý ý kiến góp ý...)

....., ngày... tháng.... năm 20.....

Cơ quan, tổ chức, cá nhân

Ký tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC III
BIỂU MẪU THÔNG BÁO CÔNG BỐ HỢP CHUẨN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THÔNG BÁO CÔNG BỐ HỢP CHUẨN

Số.....

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax:

E-mail:

CÔNG BỐ:

Sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội (tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,)

.....

.....

Phù hợp với tiêu chuẩn (số hiệu, ký hiệu, tên gọi)

.....

.....

Thông tin bổ sung (căn cứ công bố hợp chuẩn, phương thức đánh giá sự phù hợp....)

.....

.....

Loại hình đánh giá:

+ Tổ chức chứng nhận đánh giá: Tên tổ chức chứng nhận, số giấy chứng nhận, ngày cấp giấy chứng nhận;

.....

.....

+ Tự đánh giá: Ngày lãnh đạo tổ chức, cá nhân ký xác nhận Báo cáo tự đánh giá.

.....

.....

....(Tên tổ chức, cá nhân).... cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của
(sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường và các đối tượng khác trong
hoạt động kinh tế - xã hội) do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử
dụng, khai thác.

....., ngàythángnăm

Đại diện Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

PHỤ LỤC IV
BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ HỢP QUY
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BKHCHN ngày 09 tháng 4 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ HỢP QUY

Số.....

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax:

E-mail:

CÔNG BỐ:

Sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội *(tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,)*

.....

.....

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật *(số hiệu, ký hiệu, tên gọi)*

.....

.....

Thông tin bổ sung *(căn cứ công bố hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp....)*

.....

.....

Loại hình đánh giá:

+ Tổ chức chứng nhận đánh giá: Tên tổ chức chứng nhận, số giấy chứng nhận, ngày cấp giấy chứng nhận;

.....

.....

+ Tự đánh giá: Ngày lãnh đạo tổ chức, cá nhân ký xác nhận Báo cáo tự đánh giá.

.....

.....

....(Tên tổ chức, cá nhân).... cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của
(sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường và các đối tượng khác trong
hoạt động kinh tế - xã hội) do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử
dụng, khai thác.

....., ngàythángnăm.....

Đại diện Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

PHỤ LỤC V
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ HỢP CHUẨN/HỢP QUY
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(nếu có) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Số:

....., ngày ... tháng năm

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ HỢP CHUẨN/HỢP QUY

1. Tên tổ chức, cá nhân; địa chỉ; điện thoại, fax:
2. Tên sản phẩm, hàng hoá:.....
3. Địa điểm, ngày đánh giá:.....
4. Số hiệu tiêu chuẩn /quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:.....
5. Tên tổ chức thử nghiệm sản phẩm, hàng hoá:.....
6. Đánh giá về kết quả thử nghiệm theo tiêu chuẩn /quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:
.....
.....
.....
.....
7. Các nội dung khác (nếu có):.....
8. Kết luận:
 - Sản phẩm, hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật.
 - Sản phẩm, hàng hoá không phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật.

Cam kết chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá.

Người đánh giá
(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của lãnh đạo tổ chức, cá nhân
(ký tên, chức vụ, đóng dấu)